

Hiragana Test

Bài 1: Chọn cách viết đúng bằng Hiragana của từ sau :

1. Hitari

- 1) ひたり 2) ひだり 3) ふたり 4) ふだり

2. Kenkyusha

- 1) けんしゅうさ 2) けきゅうしゃ 3) けんきゅうしゃ 4) けんきゅうさ

3. Benkyo

- 1) べんきょう 2) べんきょう 3) へんりょう 4) べんりお

4. Okane

- 1) おかね 2) おかれ 3) おまね 4) あかれ

5. Ippon

- 1) いっぽん 2) いんぽん 3) いっぱ 4) いぼん

6. Zenbu

- 1) ぜんぶ 2) ぜんぶ 3) せんぶ 4) ぜいぶ

7. Mainichi

- 1) まいにち 2) まいしち 3) まいしら 4) みいちら

8. Atama

- 1) あたま 2) あだま 3) おとま 4) おだま

9. Senshuu

- 1) せんしゅう 2) せんしゅ 3) せんゆう 4) せんずう

10. Kichinto

- 1) きちんお 2) きちんた 3) きちんと 4) きちた

Bài 2: Viết cách đọc đúng của từ sau :

Ví dụ: わたし : watashi

1. ともだち :

2. かぞく :

3. じゅうはち :

4. みんな :

5. おとしだま :

6. かみさま :

7. じんじゃ :

8. がっこう :

9. はなび :

10. ほし :

Bài 3: Nghe và chọn từ đúng :

1.

- 1) いち 2) いし 3) みち 4) しち

2.

- 1) せき 2) えき 3) あき 4) えぎ

3.

- 1) まに 2) なに 3) なし 4) なき

4.

- 1) にくい 2) にあい 3) におい 4) しあい

5.

- 1) いず 2) きす 3) いす 4) いつ

Lớp tiếng Nhật Trang sensei

Bài 4: Viết từ đúng với hình ảnh :

1)



2)



3)



4)



5)

